

Bản án số: 108/2020/DS-PT

Ngày: 22 - 5 - 2020

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Xuân Miến

Ông Phạm Việt Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thu T1 (Út Bạc), sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Hồ Văn Y, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn Y: Luật sư Trịnh Thanh L5 – Văn phòng luật sư Trịnh Thanh L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phúc G – Chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

2. Bà Huỳnh Thị R2, sinh năm 1939 (Chết).

3. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1937 (Vắng mặt).

4. Chị Châu Thị Thu K, sinh năm 1975.

5. Anh Hồ Minh S, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C

6. Bà Hồ Thị T3, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp MH, xã TT, huyện CN, tỉnh C

7. Ông Hồ Thành T2, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp BT, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau

8. Bà Đỗ Mỹ N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của anh Hồ Minh S, chị Châu Thị Thu K, bà Hồ Thị T3, ông Hồ Thành T2, bà Đỗ Mỹ N: Bà Hồ Thị Thu T1, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020, có mặt)

9. Bà Trương Thị P, sinh năm 1953.

10. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1967.

11. Bà Hồ Thị L4, sinh năm 1963 .

12. Bà Hồ Thị L3, sinh năm 1962 (Có mặt).

13. Ông Hồ Văn Rỏ, sinh năm 1955.

14. Ông Hồ Văn X, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C

15. Bà Hồ Thị L2, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp BT, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau

16. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1944

17. Ông Hồ Văn H1, sinh năm 1955 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Văn X, ông Hồ Văn Rỏ, bà Hồ Thị L4, bà Hồ Thị L2: Bà Hồ Thị L3, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp CT, xã TT, huyện CN, tỉnh C (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020, có mặt)

Người kháng cáo: Ông Hồ Văn Y là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải bà Hồ Thị Thu T1 trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Hồ Thành Hưng và cụ Bùi Thị Hai có 01 phần đất tổng diện tích là 51.060m² và được UBND huyện Cái Nước cấp GCNQSD đất vào năm 1993 tại thửa số 397 và 393, tờ bản đồ 03. Phần đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C .. Trong phần đất này cụ Hưng và cụ Hai có cho ông Hồ Văn Rỏ phần đất có diện tích 20.000m² vào năm 1981, cụ Hưng và cụ Hai canh tác diện tích đất còn lại đến năm 1999 thì cụ Hưng chết, cụ Hai chết vào năm 2006. Cụ Hưng và cụ Hai chết không để lại di chúc, nhưng khi còn sống thì vào năm 2004 cụ Hai có giao cho bà sử dụng phần đất khoảng 20.000m², giao cho ông Y sử dụng phần đất có diện tích khoảng 11.000m². Đến năm 2007 thì ông Y cho rằng phần đất 20.000m² mà bà đang sử dụng là của ông Y nên ngăn cản và đóng cổng không cho bà canh tác

vuông tằm. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế phần đất có diện tích 31.060m² và yêu cầu giao căn nhà của cụ Hưng và cụ Hai để cho bà, bà Hồ Thị L3 và bà Hồ Thị L4 quản lý để ở và làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa, bà xác định yêu cầu chia thừa kế phần đất do cha mẹ bà để lại có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 35.432,2m² (trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới còn lại 30.812m²), sau khi trừ diện tích đất 3.232,5m², trong đó diện tích đất đã chia cho anh Hồ Văn Sơn là 988,3m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới) và diện tích đất khu nhà mồ là 2.244,2m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới) thì chia đều diện tích đất còn lại cho các đồng thừa kế.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 và tại phiên tòa, ông Hồ Văn Y trình bày:

Ông không thống nhất với nội dung trình bày của bà T1. Theo ông thì phần đất có diện tích 11.000m² bà T1 trình bày do cụ Hai giao cho ông sử dụng là không đúng, mà phần đất này là do ông mua của bà Huỳnh Thị R2. Còn lại phần đất 20.000m² thì hiện nay bà T1 đang quản lý, sử dụng là do cụ Hồ Thành Hưng đứng tên quyền sử dụng và đã cho ông phần đất này. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Hưng hiện nay do bà T1 đang cất giữ. Ông xác định diện tích đất mà bà T1 yêu cầu chia thừa kế theo kết quả đo đạc thực tế là 35.432,2m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới) là phần đất cụ Hưng đã cho ông vào năm 1990 nên ông không đồng ý chia thừa kế.

Đối với căn nhà của cụ Hưng, cụ Hai xây dựng trên phần đất mà bà T1 yêu cầu giao cho bà T1, bà L3, bà L4 quản lý thì ông không đồng ý vì căn nhà này do ông làm vuông tằm gửi tiền về xây dựng vào năm 1977 - 1978, còn căn nhà trước do ông và vợ ông đứng ra xây cất vào thời gian cuối năm 1992 đến tháng 6/1993. Riêng bộ cột cấm xe là của chung trong gia đình.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 và tại phiên tòa, bà Trần Thị H2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Y. Theo bà thì cụ Hưng, cụ Hai đã chia cho bà T1 một phần đất ngoài phần đất có diện tích 51.060m² nên nay bà không đồng ý chia thừa kế cho bà T1 phần đất còn lại của cụ Hưng, cụ Hai có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 35.432,2m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới).

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 và tại phiên tòa, bà Hồ Thị L3 trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của bà T1. Phần đất còn lại của cụ Hưng, cụ Hai là 31.060m² nhưng theo kết quả đo đạc thực tế là 35.432,2m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới) có giao cho ông Y 11.000m² nhưng ông Y không về quản lý, canh tác. Ông Y ra riêng và sinh sống ở xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân từ năm 1994 đến năm 2017 mới trở về nhà ở và xảy ra tranh chấp. Phần đất 20.000m² còn lại thì cụ Hai giao cho bà T1 quản lý, canh tác từ năm 2004 cho đến nay. Đối với căn nhà của cụ Hưng, cụ Hai thì do cụ Hưng, cụ Hai bỏ tiền ra xây dựng chứ ông Y không có xây dựng như lời ông Y trình bày.

Nay bà T1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại của cụ Hưng, cụ Hai để lại thì bà đồng ý, bà cũng yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này. Căn nhà của cụ Hưng, cụ Hai thì bà yêu cầu giao cho bà, bà L4 và bà T1 cùng quản lý.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018, ông Hồ Văn Rõ trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà T1, bà L3.

Bà T1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại của cụ Hưng, cụ Hai là 31.060m² nhưng theo kết quả đo đạc thực tế là 35.432,2m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới) thì ông đồng ý, ông cũng yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này nhưng giao lại cho bà T1 quản lý. Căn nhà của cụ Hưng, cụ Hai thì ông đồng ý giao lại cho bà T1, bà L3, bà L4 quản lý để thờ cúng cụ Hưng, cụ Hai.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018, bà Hồ Thị L2 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà T1, bà L3.

Bà T1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại của cụ Hưng, cụ Hai là 31.060m² nhưng theo kết quả đo đạc thực tế là 35.432,2m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới) thì bà đồng ý, bà cũng yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này. Căn nhà của cụ Hưng, cụ Hai thì bà đồng ý giao lại cho bà T1, bà L3 quản lý để thờ cúng cụ Hưng, cụ Hai.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 và tại phiên tòa, ông Hồ Văn H1 trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà T1, bà L3.

Bà T1 yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại của cụ Hưng, cụ Hai để lại thì ông đồng ý, ông cũng yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này nhưng giao lại cho bà T1 quản lý. Ông đồng ý giao lại cho bà T1, bà L3, bà L4 quản lý căn nhà để thờ cúng cụ Hưng, cụ Hai.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 và tại phiên tòa, bà Trương Thị P trình bày: Bà là người chuyển nhượng phần đất của bà Huỳnh Thị R2 từ ông Lê Văn L1. Phần đất bà chuyển nhượng của bà R2 hiện nay do bà đang quản lý sử dụng nhưng do Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhầm vị trí cho ông Hồ Thành Hưng và đất của ông Hồ Thành Hưng cấp nhầm lại cho bà R2. Hiện nay, bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị R2 nên bà yêu cầu xác định đúng vị trí đất đang quản lý thực tế để bà làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà.

Đối với người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Cái N, bà Huỳnh Thị D, bà Hồ Thị L4, ông Lê Văn L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của các đương sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 623, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Thị Thu T1, ông Hồ Thành T2, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị T3, bà Hồ Thị L3, ông Hồ Văn X, ông Hồ Văn H1, ông Hồ Văn Rỏ, bà Hồ Thị L4 đối với ông Hồ Văn Y về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 32.199,7m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới). Đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

- Đối với khu đất nhà mồ có diện tích 2.244,2m² giao cho các đồng thừa kế cùng có trách nhiệm quản lý chung.

- Buộc ông Hồ Văn Y giao lại phần đất có diện tích 16.603,9m² (Đã trừ diện tích đất của vợ chồng anh S chị K), có tứ cận: Phía Đông giáp ranh với Quốc lộ 1A có cạnh M11M6 dài 85,2m; Phía Nam giáp ranh với thửa đất đất ông Hồ Văn Rỏ, cạnh M6M7 dài 179,45m; Phía Tây giáp ranh với Kinh Lung Ông, cạnh M8M9 dài 35,83m và M7M8 dài 62,70m; Phía Bắc giáp ranh với đất của bà Trương Thị P, cạnh M9M10 dài 22,76m và M10M11 dài 129,09m. Buộc bà Hồ Thị Thu T1 giao lại phần đất có diện tích 17.840m² (Bao gồm diện tích khu nhà mồ), có tứ cận: Phía Đông giáp ranh với sông Đầm Cùng, cạnh M1M2 dài 99,07m, giáp đất của ông Phan Thanh Việt cạnh M18M19 dài 7,08m, giáp đất của bà D Thị Rồi cạnh M19M21 dài 35,77m; Phía Nam giáp ranh với đất của ông Lê Văn L1 cạnh M2M3M4M5 dài 158,55m; Phía Tây giáp ranh với Quốc lộ 1A, cạnh M5M15M16 dài 124,41m; Phía Bắc giáp ranh với đất của ông Phan Thanh Việt, cạnh M17M18 dài 86,92m. Để chia thừa kế cho các đồng thừa kế.

- Giao cho ông Hồ Văn Y quản lý sử dụng phần đất có diện tích 3.219,97m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới, diện tích đất nằm trong mốc lộ giới phụ thuộc vào chiều ngang của phần đất được chia) được tính từ điểm M9M10 M11M17M18 đo về phía Nam; Phần đất có tứ cận: Phía Bắc giáp ranh với phần đất của bà Trương Thị P và ông Phan Thanh Việt (Chồng của bà P) gồm các đoạn M9M10 dài 22,76m, M10M11 dài 129,09m, M17M18 dài 86,92m; Phía Nam giáp ranh với phần đất giao cho bà T1 quản lý, phía Đông giáp phần đất của bà Huỳnh Thị R2, phía Tây giáp Kinh Lung Ông.

- Giao cho bà Hồ Thị Thu T1 quản lý phần đất có diện tích 28.979,73m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới, diện tích đất nằm trong mốc lộ giới phụ thuộc vào chiều ngang của phần đất được chia) được tính từ vị trí giáp ranh với phần đất giáp ranh với phần đất giao cho ông Hồ Văn Y đo về phía Nam (Trừ diện tích đất khu nhà mồ và phần đất của anh S, chị K đang quản lý). Phần đất có tứ cận: Phía Bắc giáp ranh với phần đất của ông Hồ Văn Y, phía Nam giáp ranh với phần đất của ông Hồ Văn Rỏ cạnh M6M7 dài 179,45m và ông Lê Văn L1 cạnh M2M3M4M5 dài 158,55m, phía Đông giáp sông Đầm Cùng và giáp với đất của bà Huỳnh Thị R2, phía Tây giáp Kinh Lung Ông.

- Buộc bà Hồ Thị Thu T1 phải trả cho ông Hồ Văn Y số tiền 43.984.000 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Đối với số tiền này, kể từ ngày ông Hồ Văn Y có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Hồ Thị Thu T1 phải

trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc ông Hồ Văn Y và bà Trần Thị H2 di dời đi nơi khác để trả lại nguyên hiện trạng căn nhà trước của cụ Hưng và cụ Hai để lại cho bà L3, bà L4 quản lý.

- Giao cho bà Hồ Thị L3 và bà Hồ Thị L4 quản lý 01 căn nhà trước, 01 căn nhà giữa, 01 căn nhà sau và 01 cây nước để làm nơi ở và thờ cúng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Hồ Thành T2, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị T3, ông Hồ Văn X, ông Hồ Văn H1, ông Hồ Văn Rõ, bà Hồ Thị L3, bà Hồ Thị L4, ông Hồ Văn Y, bà Hồ Thị Thu T1 mỗi người phải chịu số tiền $(3.081,2m^2 \times 62.000 \text{ đồng} \times 5\% + 47.662.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 11.935.000 \text{ đồng}$ (Mười một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Do bà Hồ Thị Thu T1 đồng ý nộp thay cho ông Hồ Thành T2, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị T3, ông Hồ Văn X, ông Hồ Văn H1, ông Hồ Văn Rõ, bà Hồ Thị L3, bà Hồ Thị L4 nên buộc bà T1 phải chịu số tiền 107.415.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí của bà T1 và những người này nộp tạm ứng là 5.400.000 đồng, bà T1 phải nộp tiếp số tiền 102.015.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Y, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên cụ thể việc giao nhà, đất về vị trí, kích thước, căn cứ vào mảnh trích đo hiện trạng ngày, tháng, năm nào và phải căn cứ vào chứng thư thẩm định giá để buộc các đương sự chịu án phí trên diện tích chia thừa kế mà họ được nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên Tòa ông Y vẫn khẳng định trong phần diện tích 32.199,7m² là có phần đất của ông nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị R2 cũng như toàn bộ phần đất hiện đang tranh chấp ông đã được cha mẹ cho vào năm 1990 và căn nhà của cụ Hưng là do ông đưa tiền để xây dựng theo đúng nội dung kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông Y và tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y thấy rằng: Diễn biến tại phiên tòa thì ông Y trình bày ông Y nhận chuyển nhượng đất của bà Huỳnh Thị D nhưng không có bất cứ tài liệu nào chứng minh được việc chuyển nhượng phần đất từ bà D diện tích là bao nhiêu, vào năm nào. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì ông Y trình bày nhận

chuyển nhượng từ bà D (BL 77, 122), có lúc lại trình bày nhận chuyển nhượng từ bà R2 (BL 740, 741, 744). Do đó, không có căn cứ chấp nhận có việc ông Y nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[3] Xét tranh luận của phía bị đơn về vấn đề bản án sơ thẩm nhận định “*Đơn xin xác nhận ngày 06/9/2018 của bà Huỳnh Thị R2 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Trần Thới...*” nhưng Tòa án không xác minh làm rõ ý kiến của những người ghi ý kiến của bà R2 cũng như không làm rõ giấy chuyển nhượng giữa cụ Hưng và cụ Hương và cũng không xác minh làm rõ có việc cấp trùng thửa đất giữa cụ Hưng và bà R2 hay không nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Xét quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành ghi ý kiến của ông Hồ Văn Miên và ông Nghiêm Văn Út (BL 673). Mặc dù có xác nhận của ông Miên và ông Út về lời trình bày của bà R2 có đổi đất với ông Y nhưng khi Tòa án tiến hành xác minh ghi ý kiến của bà R2 thì bà R2 xác nhận là bà đổi đất với cụ Hưng. Ý kiến của bà R2 có mâu thuẫn, như vậy các chứng cứ này cũng chỉ mang tính tham khảo, không phải là chứng cứ trực tiếp để chứng minh có việc chuyển nhượng đất của ông Y. Khi tiến hành giải quyết thì cấp phúc thẩm có tạm ngừng phiên tòa xác minh về việc chuyển nhượng đất của cụ Hương và cụ Hưng cũng như việc chuyển nhượng đất của ông Y với bà D. Tại biên bản làm việc ngày 21/5/2020 với bà Huỳnh Thị D thể hiện bà D hiện đã cao tuổi, không nhớ gì về sự việc chuyển nhượng đất trước đây. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ các đương sự cung cấp để xem xét, cụ thể: Bà T1 cung cấp giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Hưng và cụ Hương vào năm 1993 (BL 674), bà P cung cấp giấy chuyển nhượng đất từ bà R2 sang bà P (BL 680), bà P đang sử dụng đất của cụ Hưng nhưng giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R2, hiện phần đất bà R2 được cấp thì gia đình cụ Hưng, cụ thể là bà T1 và ông Y quản lý sử dụng từ năm 1993 đến nay. Việc sử dụng đất không đúng với hiện trạng chứng minh được việc giữa cụ Hưng và bà R2 đổi đất với nhau để tiện cho việc sử dụng. Ngoài ra, ông Y cho rằng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà D nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh phần đất mua của bà D ở vị trí nào, bà D cũng không được cấp quyền sử dụng đất tại phần đất mà ông Y và bà T1 đang quản lý, sử dụng. Đối với tranh luận có việc cấp nhầm thửa hay không như phía Luật sư đặt ra, vấn đề này thể hiện rõ cả hai bên đương sự đều thừa nhận có việc đổi đất với bà R2 và bà R2 cũng có ý kiến đã đổi đất. Tại biên bản làm việc ngày 21/5/2020 với Ủy ban nhân dân huyện Cái N xác minh quá trình sử dụng đất của gia đình cụ Hưng cũng như gia đình bà R2 thể hiện không có ai có yêu cầu về việc cấp nhầm thửa, mặc khác căn cứ vào đơn xin cấp quyền sử dụng đất của bà R2 thể hiện bà R2 yêu cầu cấp quyền sử dụng thửa số 395 và thửa 396 đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà R2 được cấp nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất bà R2 đứng tên quyền sử dụng là di sản của cụ Hưng và chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận tranh luận của phía bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, đo vẽ lại đất.

[4] Đối với tranh luận của phía bị đơn cho rằng ông Y đã được cụ Hưng cho đất vào năm 1981 và sau đó được công bố khi ông Y cưới vợ vào năm 1990: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Hưng được cấp vào năm 1993 (BL 30) đã chứng minh được lời tranh luận của phía bị đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, nếu cho đất ông Y vào năm 1990 thì không có việc cụ Hưng vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào năm 1993.

[5] Đối với thời hiệu khởi kiện vụ án, căn cứ đơn khởi kiện vụ án của bà T1 yêu cầu chia thừa kế (BL 02), quá trình giải quyết tranh chấp bà T1 thay đổi ý kiến yêu cầu buộc ông Y phải trả đất cho bà, bản án sơ thẩm số 63/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc ông Y và bà H2 phải trả quyền sử dụng đất cho bà T1. Bản án phúc thẩm số 93/2018/DS-PT ngày 10/5/2018 hủy bản án sơ thẩm. Bà T1 khởi kiện lại ngày 10/10/2018 (BL 561) và các ông bà như Hồ Thị L4, Hồ Thị L3, Hồ Văn R1, Hồ Văn H1, Hồ Văn X, Hồ Thị T3, Hồ Thị L2, Hồ Thành T2 đều có đơn yêu cầu chia thừa kế vào ngày 03/10/2018 (từ BL 553 đến 560), cụ Hưng chết năm 1999, cụ Hai chết vào năm 2006 nên căn cứ vào Điều 623 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[6] Xét kháng cáo của ông Y về vấn đề chi phí xây dựng nhà: Bà T1 và các anh em của ông Y không thừa nhận việc ông Y là người trực tiếp đưa tiền xây dựng nhà, ông Y cũng không có tài liệu chứng minh ông là người xây dựng. Mặc khác, thời điểm xây dựng nhà năm 1987 – 1988 thì ông Y chưa lập gia đình, còn sống chung với cụ Hưng, tại tòa ông Y cũng trình bày thời điểm này cụ Hưng có trên 275 công đất, sau đó cụ Hưng mới cho lại các con. Đối với căn nhà giữa, ông Y trình bày khi cưới vợ về một thời gian mới xây nhà. Theo lời trình bày của bà H2 là vợ ông Y xác định thời điểm ông bà làm ruộng còn lấy gạo của gia đình chồng để sinh sống (BL 743) nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của ông Y cho rằng ông là người trực tiếp đưa tiền xây dựng nhà.

[7] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về xem xét lại cách tính án phí và tuyên cụ thể diện tích và vị trí giao đất cho ông Y và các đồng thừa kế, cụ thể :

Ông Y được nhận phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 3.219,97m² và số tiền 47.662.000 đồng là giá trị căn nhà. Ông Y phải chịu án phí là 12.365.000 đồng.

Bà T1, ông T2, bà T3, bà N, ông X, ông R, ông H1, bà L3, bà L4 thống nhất giao nhà cho bà cho bà L3, bà L4 quản lý sử dụng, giao đất cho bà T1 quản lý sử dụng sau khi trừ phần đất giao cho ông Y và trừ phần đất nền mộ và phần đất anh S, chị K đang quản lý sử dụng không yêu cầu chia thừa kế cũng như không đương sự nào có đơn khởi kiện tranh chấp. Mỗi một người được nhận một phần trong

tổng diện tích là 28.565,2m² và một phần giá trị nhà là 47.662.000 đồng. Trong đó:

Diện tích đất thổ cư: $(397,7 \times 1.430.000): 9 = 63.190.000$ đồng.

Diện tích đất trồng cây lâu năm: $(3.236,8 \times 867.000): 9 = 311.812.000$ đồng.

Diện tích đất đất nuôi trồng thủy sản: $(25.345,23 \times 62.000): 9 = 174.600.000$ đồng.

Tổng giá trị mỗi kỳ phần được nhận là: 597.264.000 đồng và số tiền phải chịu án phí là: 27.890.500 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản vượt quá 400.000.000 đồng). Do bà T1 đồng ý nộp thay cho các đồng thừa kế nên bà T1 phải nộp tổng số tiền là 251.014.500 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Văn Y phải chịu án phí theo quy định.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Y, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Sửa bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 623, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu T1, ông Hồ Thành T2, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị T3, bà Hồ Thị L3, ông Hồ Văn X, ông Hồ Văn H1, ông Hồ Văn Rỏ, bà Hồ Thị L4 đối với ông Hồ Văn Y về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 32.199,7m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới). Đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Buộc ông Hồ Văn Y giao lại phần đất có diện tích 16.603,9m² (Đã trừ diện tích đất của vợ chồng anh S, chị K), có vị trí: Từ điểm M6 đến điểm M11 kích

thước 85,2m giáp Quốc lộ 1A; Từ điểm M6 đến điểm M7 kích thước 179,45m giáp ông Hồ Văn Rỏ; Từ điểm M7 đến điểm M8 kích thước 62,70 và từ điểm M8 đến điểm M9 kích thước 35,83m; Từ điểm M9 đến điểm M11 kích thước 214,85m giáp với đất của bà Trương Thị P. Để chia cho các đồng thừa kế.

Buộc bà Hồ Thị Thu T1 giao lại phần đất có diện tích 17.840m² (Bao gồm diện tích khu nhà mồ), có vị trí: Từ điểm M1 đến điểm M2 kích thước 99,07m giáp Kinh Lộ Xe; Từ điểm M2 đến điểm M5 kích thước 158,55m giáp với đất của ông Lê Văn L1; Từ điểm M5 đến điểm M17 kích thước 124,41m giáp Quốc lộ 1A; Từ điểm M17 đến điểm M18 kích thước 86,92m và từ điểm M18 đến điểm M19 kích thước 7,08m giáp đất của bà Trương Thị P; Từ điểm M19 đến điểm M21 kích thước 35,77m và từ điểm M21 đến điểm M1 kích thước 62,47m giáp đất của bà Huỳnh Thị R2. Để chia thừa kế cho các đồng thừa kế.

Giao phần đất khu nhà mồ có diện tích 2.244,2m² cho bà Hồ Thị Thu T1, ông Hồ Thành T2, bà Hồ Thị L2, bà Hồ Thị T3, bà Hồ Thị L3, ông Hồ Văn X, ông Hồ Văn H1, ông Hồ Văn Rỏ, bà Hồ Thị L4 và ông Hồ Văn Y cùng có trách nhiệm quản lý chung có vị trí: Từ điểm M15 đến điểm M16 kích thước 19,61m giáp Quốc lộ 1A; Từ điểm M16 đến điểm M20 kích thước 78m; Từ điểm M20 đến M20A1 kích thước 36m, điểm M20A1 đến M20A2 kích thước 44m, điểm M20A2 đến M20A3 kích thước 18m, điểm M20A3 đến điểm M15 kích thước 34,05m giáp phần đất giao cho bà Hồ Thị Thu T1.

Giao cho ông Hồ Văn Y quản lý sử dụng phần đất có diện tích 3.219,97m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới, diện tích đất nằm trong mốc lộ giới phụ thuộc vào chiều ngang của phần đất được chia) có vị trí: Từ điểm M9 đến điểm M11 có kích thước 214,85m giáp với đất của bà Trương Thị P; Từ điểm M11 đến điểm M11A1 có kích thước 10,15m giáp Quốc lộ 1A; Từ điểm M11A1 đến điểm M11A2 có kích thước 212,51m giáp với phần đất giao cho Bà Hồ Thị Thu T1; Từ điểm M11A2 đến điểm M9 có kích thước 10,7m; Từ điểm M17 đến M18 có kích thước 86,92m và từ điểm M18 đến điểm M19 có kích thước 7,08m giáp với phần đất của bà Trương Thị P; Từ điểm M19 đến điểm M19A1 có kích thước 5,55m giáp với đất của bà Huỳnh Thị R2; Từ điểm M19A1 đến M19A2 có kích thước 92,32m giáp với phần đất giao cho bà Hồ Thị Thu T1; Từ điểm M19A2 đến M17 có kích thước 9,70m giáp với Quốc lộ 1A.

Giao cho bà Hồ Thị Thu T1 quản lý phần đất có diện tích 28.979,73m² (chưa trừ diện tích đất nằm trong mốc lộ giới, diện tích đất nằm trong mốc lộ giới phụ thuộc vào chiều ngang của phần đất được chia) có vị trí: Từ điểm M7 đến điểm M11A2 có kích thước 87,83m; Từ điểm M11A2 đến M11A1 kích thước 212,51m giáp với đất giao cho ông Hồ Văn Y; Từ điểm M11A1 đến điểm M6 có kích thước 75,05m giáp Quốc lộ 1A; Từ điểm M6 đến điểm M7 có kích thước 179,45m giáp với đất của ông Hồ Văn Rỏ (Đã trừ diện tích đất 988,3m² của anh S và chị K); Từ điểm M19A2 đến điểm M19A1 có kích thước 92,32m giáp với phần đất giao cho

ông Hồ Văn Y; Từ điểm M19A1 đến điểm M21 có kích thước 30,22m và từ điểm M21 đến điểm M1 có kích thước 62,47m giáp với đất của bà Huỳnh Thị R2; Từ điểm M1 đến điểm M2 có kích thước 99,07m giáp Kinh Lộ Xe; Từ điểm M2 đến điểm M5 có kích thước 158,55m giáp với đất của ông Lê Văn L1; Từ điểm M5 đến điểm M19A2 có kích thước 114,71m giáp Quốc lộ 1A. (Đã trừ phần đất khu mộ).

(Kèm theo bảng trích đo hiện trạng ngày 10/01/2019).

Buộc bà Hồ Thị Thu T1 phải trả cho ông Hồ Văn Y số tiền 43.984.000 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Đối với số tiền này, kể từ ngày ông Hồ Văn Y có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Hồ Thị Thu T1 phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc ông Hồ Văn Y và bà Trần Thị H2 di dời đi nơi khác để trả lại nguyên hiện trạng căn nhà của cụ Hồ Thành Hưng và cụ Bùi Thị Hai để lại cho bà Hồ Thị L3, bà Hồ Thị L4 quản lý, sử dụng.

Giao cho bà Hồ Thị L3 và bà Hồ Thị L4 quản lý toàn bộ nhà của cụ Hồ Thành Hưng và cụ Bùi Thị Hai và 01 cây nước.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Hồ Thị Thu T1 phải nộp số tiền 251.014.500 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.400.000 đồng (Bà T1 nộp số tiền 3.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0009727 ngày 09/6/2015, ông X nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004829 ngày 11/10/2018, bà T3 nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004830 ngày 11/10/2018, bà L4 nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004827 ngày 11/10/2018, bà L3 nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004826 ngày 11/10/2018, ông R nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004825 ngày 11/10/2018, ông H1 nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004824 ngày 11/10/2018, bà L2 nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004823 ngày 11/10/2018, ông T2 nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004822 ngày 11/10/2018) nên bà T1 phải nộp tiếp số tiền 245.614.500 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng).

Ông Hồ Văn Y phải chịu án phí sơ thẩm là 12.365.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn Y phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 0005069 ngày 22/01/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Cái Nước được chuyển thu.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Hải Hà